

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ X
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2017/HNGĐST

Ngày: 20-9-2017

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ X, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Lý;

Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã X tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 21/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2017/QĐHPT-HNGĐ ngày 21/8/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm 1988; địa chỉ: Đường A, tổ B, khu phố C, phường D, thị xã X, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1986; địa chỉ: Đường A, tổ B, khu phố C, phường D, thị xã X, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2017 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà A trình bày: Bà A và ông B chung sống với nhau từ năm 2014. Có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B không đi làm, hay uống rượu say xỉn,

thường xuyên đánh đập vợ. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 04/2017 cho đến nay, không còn quan tâm lo lắng cho nhau. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà A và ông B có 01 con chung tên C, sinh ngày 02/4/2015. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Bà A yêu cầu ông B cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do. Ông B cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà A. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu, chứng cứ khác do Tòa án thu thập được để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà A và ông B tự nguyện chung sống từ năm 2014, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Bình Dương. Như vậy, hôn nhân giữa ông B và bà A là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn được 01 năm, thì giữa ông B và bà A bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B không đi làm, hay uống rượu, say xỉn, ghen tuông vô cớ nên thường xuyên đánh đập vợ làm cho tình trạng hôn nhân ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Hiện nay, ông B và bà A đã sống ly thân từ tháng

04/2017 cho đến nay. Quá trình tham gia tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng ông B không đến và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy rằng ông B không còn quan tâm đến đời sống hôn nhân của vợ chồng. Xét mâu thuẫn hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn hôn nhân đã xảy ra trong một thời gian dài nhưng hai bên vẫn không hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông B theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà A và ông B có 01 con chung là cháu C, sinh ngày 02/4/2015. Xét thấy, cháu C hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, cần có sự quan tâm, chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Bà A hiện đang làm giáo viên, có nhà ở và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục con chung. Do đó, cần giao cháu C cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng: Bà A yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ không xác định được ông B hiện đang làm nghề gì và thu nhập hằng tháng là bao nhiêu. Hội đồng xét xử căn cứ vào tình hình nhu cầu chung trên địa bàn, xét thấy mức sống trung bình của cháu C hằng tháng là 2.000.000 đồng, bao gồm tiền ăn uống và gửi giữ. Ông B và bà A đều là cha mẹ nên có trách nhiệm ngang nhau đối với con chung. Ông B không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Do đó, cần buộc ông B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A đối với bị đơn ông B về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

Về hôn nhân: Bà A được ly hôn với ông B.

Về con chung: Giao con chung là cháu C, sinh ngày 02/4/2015 cho bà A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu C mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày án có hiệu lực thi hành cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Không ai được cản trở ông B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

- Bà A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0006814 ngày 14/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà A đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Ông B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thị xã X;
- Chi cục THADS thị xã X;
- UBND xã N, huyện M, tỉnh Bình Dương;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA.

Đậu Thị Thảo

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đậu Thị Thảo

